

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**®)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

CHO KỲ KẾ TOÁN 06 THÁNG

KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023	12 – 50

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và 03 Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk, Công ty Cổ phần Cao su Đaknoruco và Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondolkiri (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 đã được soát xét.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 6 điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01 tháng 10 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 764/QĐ-SGDHN ngày 15/11/2019.

Mã chứng khoán là DRG.

Vốn điều lệ: 1.558.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 30/06/2023: 1.558.000.000.000 đồng

Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 02 công ty liên kết.

Công ty con được hợp nhất

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	59 Cao Thắng - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk - Việt Nam	Trồng cây công nghiệp - chế biến	66,60%	66,60%	66,60%	66,60%
2.	Công ty CP Cao su Đaknoruco	Thôn 13, xã Đăk Lao, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông	Trồng, chăm sóc cây cao su và chế biến mủ cao su	73,40%	73,40%	73,40%	73,40%
3.	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondolkiri	Phun Chrey Sen, Sangkat Monorom, Mondolkiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mủ cao su	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Km 18 - Thôn Đoàn Kết - Xã Ea Đ'rong - Huyện Cư M'gar - Tỉnh Đắk Lắk	Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mù cao su; Sản xuất nước uống đóng chai; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%
2.	Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Km19, Quốc lộ 14, Xã Ea Đ'rong, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Khai thác gỗ; Chế biến các sản phẩm từ gỗ; Chế biến tinh chế đồ gỗ gia dụng	45,10%	45,10%	45,10%	45,10%

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại : (+84) (0262) 3865015
- Fax : (+84) (0262) 3865041
- Email : caosu@dng.vnn.vn; caosu@dakruco.com
- Website : <http://www.dakruco.com>

3. Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất mù cao su, chỉ thun và kinh doanh lưu trú.

4. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cao su; Trồng cây ăn quả;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: chế biến cao su;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Hoạt động thể thao khác. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm vui chơi, giải trí, thể thao văn hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao).
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê phương tiện vận tải)...

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

5.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch	29/09/2018	
Ông Bùi Quang Ninh	Thành viên	29/09/2018	
Ông Nguyễn Độ	Thành viên	29/09/2018	
Ông Nguyễn Văn Cúc	Thành viên	29/09/2018	
Ông Đỗ Văn Định	Thành viên	29/09/2018	20/06/2023
Ông Nguyễn Văn Nam	Thành viên	06/05/2019	
Ông Nguyễn Trần Giang	Thành viên	06/05/2019	
Ông Tạ Quang Tòng	Thành viên	20/06/2023	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban	29/09/2018	
Ông Phan Thanh Tân	Thành viên	29/09/2018	
Bà Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên	27/06/2022	

4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	01/10/2018	
Ông Nguyễn Độ	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2018	
Ông Nguyễn Trần Giang	Kế toán trưởng	01/10/2018	

6. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	01/10/2018	
Ông Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	01/10/2018	

7. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ trang 8 đến trang 50.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

9. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/6/2023 của Tập đoàn.

10. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phân ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, tình hình hoạt động hợp nhất giữa niên độ của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị



NGUYỄN VIẾT TƯỢNG

Chủ tịch HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 28 tháng 08 năm 2023



Số: 41/2023/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023, từ trang 08 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30/06/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Đà Nẵng, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES



Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNĐKHN số: 2896-2019-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, P Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		357.899.948.002	407.174.408.474
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	80.760.818.147	166.282.950.826
111	1. Tiền		77.825.987.466	114.818.527.903
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.934.830.681	51.464.422.923
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		35.046.000.000	16.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	35.046.000.000	16.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		64.553.402.999	51.886.647.890
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	50.865.800.783	44.248.708.398
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	18.486.313.214	16.702.726.949
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	10.276.698.428	6.013.415.968
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(15.075.409.426)	(15.078.203.426)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	1
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	172.306.169.081	168.664.925.731
141	1. Hàng tồn kho		178.139.706.635	176.113.169.441
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(5.833.537.555)	(7.448.243.710)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.233.557.776	4.339.884.028
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	878.058.638	600.494.228
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.156.447.083	3.255.805.585
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	199.052.055	483.584.215
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.161.807.545.171	2.212.928.115.638
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.945.549.016	6.283.396.341
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.9	8.651.056.644	9.014.630.864
216	2. Phải thu dài hạn khác	V5.b	98.763.395	99.221.694
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	V.9	(2.804.271.023)	(2.830.456.217)
220	II. Tài sản cố định		1.404.256.922.280	1.420.865.435.753
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	1.360.530.126.958	1.374.952.772.378
222	- Nguyên giá		2.455.733.462.007	2.447.852.662.741
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.095.203.335.049)	(1.072.899.890.363)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	43.726.795.322	45.912.663.375
228	- Nguyên giá		46.674.239.661	48.834.631.906
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.947.444.339)	(2.921.968.531)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		691.395.270.042	726.726.667.869
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	V.13	5.601.839.184	5.131.542.271
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	685.793.430.858	721.595.125.598
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	29.730.471.132	29.908.272.142
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.216.094.083	7.393.895.093
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		22.514.377.049	22.514.377.049
260	VI. Tài sản dài hạn khác		30.479.332.702	29.144.343.533
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	30.479.332.702	29.144.343.533
269	2. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.519.707.493.174	2.620.102.524.112

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, P Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		826.695.754.849	884.702.399.505
310	I. Nợ ngắn hạn		602.140.386.896	625.807.257.648
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	31.172.649.752	27.325.697.208
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	45.459.179.706	11.952.385.448
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	65.315.969.197	51.276.538.920
314	4. Phải trả người lao động		50.742.005.593	117.546.367.143
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	3.072.290.037	4.689.529.116
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18a	12.373.867.407	6.163.889.423
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	81.204.482.086	73.952.445.279
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20a	267.636.508.771	285.731.129.769
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	45.163.434.348	47.169.275.342
330	II. Nợ dài hạn		224.555.367.953	258.895.141.857
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.18b	378.212.129	383.537.033
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.19b	85.621.828.422	75.864.328.422
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20b	137.297.334.928	181.389.283.928
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.257.992.474	1.257.992.474
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.693.011.738.324	1.735.400.124.607
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	1.693.011.738.324	1.735.400.124.607
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(313.736.046.365)	(289.360.315.085)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		57.039.423.306	53.046.623.382
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		155.242.849.281	173.294.037.819
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		162.817.371.322	123.385.489.933
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(7.574.522.041)	49.908.547.886
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		236.465.512.102	240.419.778.491
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.519.707.493.174	2.620.102.524.112

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Buôn Ma Thuột, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám Đốc

LÊ THANH BÌNH

NGUYỄN TRẦN GIANG

BUI QUANG NINH



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, P Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	398.622.885.128	591.607.347.750
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		183.227.800	20.934.812
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		398.439.657.328	591.586.412.938
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	330.716.917.945	465.353.924.959
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		67.722.739.383	126.232.487.979
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	7.284.117.425	27.659.912.320
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	25.627.585.203	54.277.285.501
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		15.417.574.810	15.663.298.227
24	8. Phần lỗ hoặc lãi trong công ty liên doanh, liên kết		30.543.147	(18.903.572)
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	21.554.773.452	24.487.963.223
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	20.899.859.125	16.531.164.260
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.955.182.175	58.577.083.743
31	12. Thu nhập khác	VI.7	5.603.095.670	5.812.394.572
32	13. Chi phí khác	VI.8	1.050.666.795	1.359.996.525
40	14. Lợi nhuận khác		4.552.428.875	4.452.398.047
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.507.611.050	63.029.481.790
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	8.811.699.635	15.524.468.574
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.695.911.415	47.505.013.216
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		(7.574.522.041)	35.181.702.295
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		10.270.433.456	12.323.310.921
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	(49)	221
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	(49)	221

Người lập biểu

LÊ THANH BÌNH

Kế toán trưởng

NGUYỄN TRẦN GIANG

Buôn Ma Thuột, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám Đốc



BÙI QUANG NINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, P Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.507.611.050	63.029.481.790
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10, V.11	57.410.771.435	62.414.708.098
03	- Các khoản dự phòng		(1.643.685.349)	(1.677.020.776)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(21.455.043.551)	(1.589.195.325)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.495.440.522)	(8.481.583.663)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	15.417.574.810	15.663.298.227
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động		53.741.787.873	129.359.688.352
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(13.067.350.261)	(10.052.426.284)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.496.834.107)	66.582.028.711
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		6.553.468.199	(9.684.631.677)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.612.553.579)	(1.171.758.213)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(15.420.314.406)	(20.476.645.575)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(8.057.069.999)	(24.019.446.769)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(10.642.495.382)	(7.165.724.647)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.998.638.337	123.371.083.898
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(44.005.022.987)	(69.273.355.758)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		23.572.913.314	4.685.887.801
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(19.046.000.000)	(11.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		363.574.220	100.683.596
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	600.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.656.172.892	3.795.695.862
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(36.458.362.562)	(71.091.088.500)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	VII.1	236.975.617.797	210.265.017.648
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(295.454.836.443)	(274.791.489.790)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.736.021)	(51.252.144)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(58.498.954.667)	(64.577.724.286)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(85.958.678.891)	(12.297.728.888)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		166.282.950.826	165.759.096.208
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		436.546.212	1.595.463.121
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	80.760.818.147	155.056.830.441

Người lập biểu



LÊ THANH BÌNH

Kế toán trưởng



NGUYỄN TRẦN GIANG



Buôn Ma Thuột, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám Đốc



BÙI QUANG NINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và 03 Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk, Công ty Cổ phần Cao su Đaknoruco và Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 đã được soát xét.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 6 điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01 tháng 10 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 764/QĐ-SGDHN ngày 15/11/2019.

Mã chứng khoán là DRG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: trồng, khai thác, chế biến cao su, kinh doanh nhà hàng, khách sạn...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn là:

- Trồng cây cao su; Trồng cây ăn quả;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: chế biến cao su;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Hoạt động thể thao khác. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm vui chơi, giải trí, thể thao văn hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao).
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê phương tiện vận tải)...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Tập đoàn thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Sáu tháng đầu năm 2023, nhu cầu các sản phẩm cao su sụt giảm dẫn đến sản lượng tiêu thụ mủ cao su và sản phẩm chỉ thun giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Tổng doanh thu giảm 33%, chủ yếu do doanh thu mủ cao su giảm khoảng 112 tỷ đồng tương ứng giảm 27% so với cùng kỳ, doanh thu sản phẩm chỉ thun giảm khoảng 84 tỷ đồng tương ứng giảm 63% so với cùng kỳ. Giá vốn hàng bán giảm 29% so với cùng kỳ, tỷ lệ giảm giá vốn thấp hơn tỷ lệ giảm doanh thu do giá cao su giảm so với cùng kỳ cộng với chi phí sản xuất chung cố định của Nhà máy chế biến chỉ thun được phản ánh trực tiếp vào giá vốn hàng bán trong kỳ do hoạt động dưới công suất bình thường. Điều này dẫn tới lợi nhuận sau thuế kỳ này lỗ 7.574.522.041 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 02 công ty liên kết.

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 03 Công ty

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	59 Cao Thắng - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk - Việt Nam	Trồng cây công nghiệp - chè biên	66,60%	66,60%	66,60%	66,60%
2.	Công ty CP Cao su Đăknoruco	Thôn 13, xã Đăk Lao, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông	Trồng, chăm sóc cây cao su và chế biến mù cao su	73,40%	73,40%	73,40%	73,40%
3.	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondolkiri	Phun Chrey Sen, Sangkat Monorom, Mondolkiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mù cao su	100%	100%	100%	100%

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Km 18 - Thôn Đoàn Kết - Xã Ea D'Rong - Huyện Cư M'gar - Tỉnh Đắk Lắk	Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mù cao su; Sản xuất nước uống đóng chai; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%
2.	Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Km19, Quốc lộ 14, Xã Ea Đ'rong, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Khai thác gỗ; Chế biến các sản phẩm từ gỗ; Chế biến tinh chế đồ gỗ gia dụng	45,10%	45,10%	45,10%	45,10%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng Báo cáo này là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

a. Hợp nhất với Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và 03 Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk, Công ty Cổ phần Cao su Đaknoruco và Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2023 (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

b. Hợp nhất với Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được điều chỉnh giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tập đoàn khấu hao theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính, số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 06
Vườn cây lâu năm	20
Tài sản cố định khác	5 - 10

Riêng khấu hao TSCĐ đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên công văn số 1937/BIC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính v/v Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/04/2010 của Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm:

- Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.
- Mức khấu hao năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC thì giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh không tiến hành trích khấu hao trong thời gian sử dụng vườn cây cao su kinh doanh và sẽ được trích khấu hao một lần tại thời điểm thanh lý vườn cây cao su.

9. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán/chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái...

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài – công ty con để tổng hợp vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, tỷ giá sử dụng như sau:

- Tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối kỳ;
- Vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của cơ sở ở nước ngoài phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân của kỳ kế toán do xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được tổng hợp vào Báo cáo tài chính Hợp nhất được phân loại như là vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Tiền mặt	3.277.262.401	21.820.179.197
Tiền gửi ngân hàng	74.548.725.065	92.998.348.706
Các khoản tương đương tiền - tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	2.934.830.681	51.464.422.923
Cộng	80.760.818.147	166.282.950.826

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	34.000.000.000	34.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tân Lập Bắc Đắk Lắk	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Quỹ tín dụng Nhân dân cao su Đắk Lắk	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đắk Lắk	19.000.000.000	19.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đắk Lắk	1.046.000.000	1.046.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	35.046.000.000	35.046.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị đầu tư
Đầu tư vào Công ty liên kết	7.216.094.083	7.965.447.149	7.393.895.093	7.965.447.149
- Công ty CP Kỹ thuật Cao su	7.216.094.083	36,00%	7.863.774.893	7.863.774.893
- Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk (*)	-	45,13%	101.672.256	101.672.256
Đầu tư vào đơn vị khác	22.514.377.049	19.514.377.049	22.514.377.049	20.114.377.049
- Công ty CP Cao su Thái Dương	11.575.299.752	12,50%	11.575.299.752	11.575.299.752
- Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	10.939.077.297	7.939.077.297	10.939.077.297	8.539.077.297
Cộng	29.730.471.132	27.479.824.198	29.908.272.142	28.079.824.198

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk
Giá gốc khoản đầu tư		
Số dư tại ngày 01/01/2023	7.863.774.893	101.672.256
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2023	7.863.774.893	101.672.256
Giá trị vốn đầu tư theo phương pháp VCSH		
Số dư tại ngày 01/01/2023	7.393.895.094	-
Lợi nhuận từ Công ty liên kết trong năm	30.543.147	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(162.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(46.344.158)	-
Số dư tại ngày 30/06/2023	7.216.094.083	-
Giá trị còn lại		
Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ lệ vốn góp	-	-
Số dư cuối kỳ	7.216.094.083	-

(*) Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk đã tạm dừng hoạt động, đang chờ giải thể, vốn chủ sở hữu tại Công ty này đã bị âm. Do đó, Tập đoàn xác định không thể thu hồi được khoản đầu tư này và đã trích lập dự phòng tổn thất 100%. Giá trị vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại Công ty liên kết này được xác định bằng 0.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Phải thu các bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1)	3.780.198.700	3.775.704.700
Phải thu các khách hàng khác	47.085.602.083	40.473.003.698
Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhất Thống	9.989.067.800	9.989.067.800
Corrie Maccoll Europe B.V	-	4.659.927.552
Công ty Cổ phần FURNIWEB Việt Nam	2.643.351.967	3.658.075.065
Weber and Schaer GMBH & Co., KG	1.275.341.760	3.237.696.000
Công ty TNHH TM&DV Sản Xuất Quán Quân	530.100.835	573.439.698
UKKO Corporation	-	1.881.484.480
R1 International PTE.LTD	12.593.404.188	-
Công ty TNHH SXTM Nông sản Khải Hưng	8.731.610.397	-
Các khách hàng khác	11.322.725.136	16.473.313.103
Cộng	50.865.800.783	44.248.708.398

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Tại ngày 30/06/2023</u>	<u>Tại ngày 01/01/2023</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1)</i>	-	-
Trả trước cho người bán khác	18.486.313.214	16.702.726.949
Công ty ATPD Construction	5.926.882.217	-
Công ty TNHH Trúc Phố	4.443.540.077	4.443.540.077
Trần Đình Đạt	-	2.633.410.673
Công ty TNHH Cao su T2T	-	2.307.275.000
Công ty TNHH Xây dựng Lê Vũ	1.176.293.056	1.176.293.056
Các đối tượng người bán khác	6.939.597.864	6.142.208.143
Cộng	<u>18.486.313.214</u>	<u>16.702.726.949</u>

5. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	<u>Tại ngày 30/06/2023</u>		<u>Tại ngày 01/01/2023</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	6.441.442.906	(1.026.820.349)	3.268.515.148	(1.026.820.349)
- Phải thu nhân viên về BHXH	2.874.907.206	-	1.321.114.631	-
- Lãi dự thu	906.801.431	-	294.539.481	-
- Công ty CP Nông Hữu Thuận Sinh	1.026.820.349	(1.026.820.349)	1.026.820.349	(1.026.820.349)
- Các đối tượng phải thu khác	1.632.913.920	-	626.040.687	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	53.000.000	-	18.000.000	-
Tạm ứng CBCNV	3.782.255.521	-	2.726.900.820	-
Cộng	<u>10.276.698.428</u>	<u>(1.026.820.349)</u>	<u>6.013.415.968</u>	<u>(1.026.820.349)</u>

b. Dài hạn

	<u>Tại ngày 30/06/2023</u>		<u>Tại ngày 01/01/2023</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đặt cọc tiền thuê đất	98.763.395	-	99.221.694	-
Cộng	<u>98.763.395</u>	<u>-</u>	<u>99.221.694</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Công ty TNHH Trúc Phó	4.443.540.077	4.443.540.077
Công ty Cổ phần Vĩnh Sơn	332.983.444	332.983.444
Công ty TNHH MTV XDTM Đạt Thành Phát	110.585.973	110.585.973
Công ty TNHH SX & XD Phú Quý	44.210.873	44.210.873
Công ty TNHH Xây dựng Lê Vũ	1.176.293.056	1.176.293.056
Công ty CP Nông Hữu Thuận Sinh	1.026.820.349	1.026.820.349
Công ty TNHH Quảng cáo Tư Duy RITA	10.018.236	10.018.236
Công ty CP Chế biến gỗ cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhất Thống	3.855.619.420	3.855.619.420
Các đối tượng khác	317.763.498	320.557.498
Cộng	15.075.409.426	15.078.203.426

Biến động dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Số dư đầu năm	(15.078.203.426)	(12.510.932.626)
Tăng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	2.794.000	-
Số dư cuối năm	(15.075.409.426)	(12.510.932.626)

7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	45.124.082.502	-	45.131.546.753	-
Công cụ, dụng cụ	7.720.059.177	-	5.505.334.808	-
Chi phí SXKD dở dang	30.226.363.127	-	14.168.500.175	-
Thành phẩm	74.543.122.555	(5.833.537.555)	111.086.466.783	(7.448.243.710)
Hàng hóa	214.040.335	-	221.320.922	-
Hàng gửi đi bán	20.312.038.939	-	-	-
Cộng	178.139.706.635	(5.833.537.555)	176.113.169.441	(7.448.243.710)

- Nguyên vật liệu là các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, các phụ gia dùng chế biến mũ cao su, các vật liệu dùng để đóng gói thành phẩm và một số vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là các loại bảo hộ lao động, kiềng, chén hứng mũ, dây cột kiềng, dây hứng mũ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị mũ nguyên liệu chưa đưa vào sản xuất.
- Thành phẩm là các sản phẩm mũ cao su gồm mũ cóm các loại SVR 5, SVR 10, SVR 20, SVR 3L, SVR CV60, Mũ nước latex HA, Mũ Skim block.
- Hàng hóa là mũ thành phẩm mua ngoài gồm mũ cóm SVR 10 và mũ Latex HA.
- Tập đoàn không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 30/06/2023.
- Tập đoàn không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2023.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Số dư đầu năm	(7.448.243.710)	(3.370.167.396)
Tăng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	1.614.706.155	1.459.914.593
Số dư cuối năm	(5.833.537.555)	(1.910.252.803)
8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn		
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	96.206.040	50.568.028
Chi phí bảo hiểm	264.107.353	266.774.399
Chi phí sửa chữa, thay thế	26.431.595	58.149.515
Chi phí trả trước ngắn hạn khác chờ phân bổ	491.313.650	225.002.286
Cộng	878.058.638	600.494.228
Biến động chi phí trả trước ngắn hạn		
	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Số dư đầu năm	600.494.228	752.483.749
Phân loại lại	-	(42.576.564)
Tăng trong kỳ	1.050.875.703	270.690.227
Phân bổ trong kỳ	(773.311.293)	(537.798.149)
Số dư cuối kỳ	878.058.638	442.799.263
b. Chi phí trả trước dài hạn		
	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Chênh lệch giá trị quyền thuê đất theo định giá GTDN	5.240.635.949	5.361.224.519
Chi phí sửa chữa	3.932.834.922	5.176.068.897
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.316.247.767	5.096.986.302
Tiền thuê đất dự án trồng chuối	2.893.414.335	2.833.466.356
Chi phí khác chờ phân bổ	10.096.199.729	10.676.597.459
Cộng	30.479.332.702	29.144.343.533

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Biến động chi phí trả trước dài hạn

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Số dư đầu năm	29.144.343.533	31.041.040.231
Phân loại lại	-	42.576.564
Tăng trong kỳ	7.411.163.583	7.345.714.061
Phân bổ trong kỳ	(6.076.174.415)	(5.864.271.362)
Số dư cuối kỳ	30.479.332.702	32.522.482.930

9. Phải thu về cho vay

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các khoản cho vay dài hạn	8.651.056.644	(2.804.271.023)	9.014.630.864	(2.830.456.217)
- Nông trường cao su Cư Mgar	3.099.536.449	(2.473.369.831)	3.132.695.457	(2.436.534.587)
- Nông trường cao su Phú Xuân	363.218.088	(362.411.411)	363.218.088	(362.411.411)
- Nông trường cao su Cuơr Đăng	31.510.219	31.510.219	31.510.219	(31.510.219)
- Cho vay đầu tư cao su liên kết tại Campuchia	5.156.791.888	-	5.487.207.100	-
Cộng	8.651.056.644	(2.804.271.023)	9.014.630.864	(2.830.456.217)

Đây là các khoản phải thu đầu tư cao su liên kết với các hộ dân, theo đó công ty đầu tư chi phí ban đầu trong thời gian kiến thiết cơ bản của vườn cây cao su theo từng hợp đồng. Thời hạn của hợp đồng bắt đầu từ khi ký kết hợp đồng cho tới khi thu hồi hết giá trị đầu tư hoặc đến khi thanh lý vườn cây cao su.

Cơ sở trích lập dự phòng của các khoản phải thu cho vay dài hạn này căn cứ vào giá trị vốn đầu tư chưa thu hồi được và các hộ được trích lập dự phòng là các hộ không có khả năng nộp trả vốn đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Công
Nguyên giá							
NG_DK	463.047.002.331	330.811.923.518	99.447.664.237	3.523.364.778	1.550.334.832.242	687.875.636	2.447.852.662.741
NG_T	2.343.671.435	1.122.845.465	-	-	78.293.483.067	-	81.759.999.967
NG_G	(121.364.540)	(60.000.000)	(7.812.911)	-	(7.298.700.009)	-	(7.487.877.460)
NG_TG	(8.456.606.861)	(3.580.115.733)	(1.723.989.882)	(9.483.383)	(52.621.127.382)	-	(66.391.323.241)
NG_CK	465.269.309.226	331.874.768.983	99.439.851.326	3.523.364.778	1.621.329.615.299	687.875.636	2.455.733.462.007
Khấu hao							
KH_DK	275.945.445.289	283.148.948.794	64.473.160.400	3.073.271.516	446.063.553.294	195.511.071	1.072.899.890.363
KH_T	9.797.722.046	6.833.008.677	2.503.855.210	95.702.864	38.102.221.973	28.798.680	57.361.309.450
KH_G	-	(60.000.000)	-	-	(7.128.259.534)	-	(7.188.259.534)
KH_TG	(5.047.682.254)	(2.984.966.586)	(1.339.937.501)	(2.241.527)	(18.494.777.364)	-	(27.869.605.231)
KH_CK	280.695.485.081	286.936.990.885	65.637.078.108	3.166.732.853	458.542.738.370	224.309.751	1.095.203.335.049
Giá trị còn lại							
GTCL_DK	187.101.557.042	47.662.974.724	34.974.503.838	450.093.262	1.104.271.278.947	492.364.565	1.374.952.772.378
GTCL_CK	184.573.824.145	44.937.778.098	33.802.773.218	356.631.925	1.162.786.876.929	463.565.885	1.360.530.126.958

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các Công ty con ở nước ngoài.

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 275.404.432.835 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 30/06/2023 là 859.184.263.769 đồng (xem tại thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Giấy chứng nhận ISO	Hiện giá giá trị thanh lý vườn cây cao su (*)	Giá trị chuyển giao công nghệ	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	6.182.310.849	2.067.596.658	307.950.220	39.976.774.179	300.000.000	48.834.631.906
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	(25.248.607)	(2.135.143.638)	-	(2.160.392.245)
Chênh lệch tỷ giá (*)	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	6.182.310.849	2.067.596.658	282.701.613	37.841.630.541	300.000.000	46.674.239.661
Khấu hao						
Số đầu kỳ	391.819.164	2.067.596.658	292.552.709	-	170.000.000	2.921.968.531
Khấu hao trong kỳ	5.326.904	-	14.135.081	-	30.000.000	49.461.985
Chênh lệch tỷ giá (*)	-	-	(23.986.177)	-	-	(23.986.177)
Số cuối kỳ	397.146.068	2.067.596.658	282.701.613	-	200.000.000	2.947.444.339
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	5.790.491.685	-	-	39.976.774.179	130.000.000	45.912.663.375
Số cuối kỳ	5.785.164.781	-	-	37.841.630.541	100.000.000	43.726.795.322

(*) Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC ngày 22 tháng 04 năm 2015 do liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Bộ Tài chính ban hành thì giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh không tiến hành trích khấu hao trong thời gian sử dụng vườn cây cao su kinh doanh và sẽ được trích khấu hao một lần tại thời điểm thanh lý vườn cây cao su.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 2.350.298.271 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 30/06/2023 là 37.941.630.541 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Tại Công ty mẹ	603.786.926.454	616.243.863.220
Nông trường Phú Xuân	228.334.978.814	237.428.099.754
Vườn cây cao su trồng năm 2015	-	5.551.706.590
Vườn cây cao su trồng năm 2016	93.685.060.837	104.045.523.068
Vườn cây cao su trồng năm 2017	58.639.623.546	56.164.426.087
Vườn cây cao su trồng năm 2018	42.262.851.334	40.363.701.479
Vườn cây cao su trồng năm 2019	21.853.200.712	20.434.607.075
Vườn cây cao su trồng năm 2020	6.716.995.700	6.219.393.338
Vườn cây cao su trồng năm 2021	5.177.246.685	4.648.742.117
Nông trường Cưkpô	240.482.139.288	252.575.970.653
Vườn cây cao su trồng năm 2015	16.451.603.845	37.761.392.818
Vườn cây cao su trồng năm 2016	89.316.888.890	86.767.883.376
Vườn cây cao su trồng năm 2017	53.672.843.048	51.518.132.208
Vườn cây cao su trồng năm 2018	37.528.957.383	35.688.789.135
Vườn cây cao su trồng năm 2019	31.179.834.853	29.470.093.529
Vườn cây cao su trồng năm 2020	12.332.011.269	11.369.679.587
Nông trường 19/8	8.812.664.800	13.611.828.689
Vườn cây cao su trồng năm 2015	-	-
Vườn cây cao su trồng năm 2016	-	4.799.163.889
Vườn cây cao su trồng năm 2017	8.812.664.800	8.812.664.800
Nông trường Cuôđăng	67.282.220.634	61.744.198.195
Vườn cây cao su trồng năm 2017	13.331.930.345	12.732.665.135
Vườn cây cao su trồng năm 2020	25.626.999.255	23.620.988.803
Vườn cây cao su trồng năm 2021	28.323.291.034	25.390.544.257
Nông trường Cư Mgar	28.866.467.745	26.585.366.377
Vườn cây cao su trồng năm 2018	7.302.636.826	7.014.484.553
Vườn cây cao su trồng năm 2019	2.638.376.389	2.473.025.669
Vườn cây cao su trồng năm 2020	11.435.229.284	10.677.892.410
Vườn cây cao su trồng năm 2022	7.427.118.046	6.356.856.545
Trồng cây đại rừng năm 2022	63.107.200	63.107.200
Nông trường Cư Bao	20.028.735.835	18.103.563.492
Cau trồng năm 2019 (18.250 cây) (trồng xen)	422.820.573	416.497.543
Vườn sầu riêng trồng mới năm 2019	19.363.802.319	17.420.499.928
Keo chắn gió (28.000 cây) (trồng xen)	242.112.943	266.566.021
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản khác	9.979.719.338	6.194.836.060
Văn phòng Công ty	9.979.719.338	6.194.836.060

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại Công ty CP Cao su Daknoruco	37.647.513.294	41.315.981.051
Vườn cao su trồng mới 2022	2.900.438.445	2.273.750.908
Vườn cao su trồng mới 2021	3.257.665.024	2.927.297.971
Vườn cao su trồng mới 2020	4.936.049.925	4.598.366.749
Vườn cao su trồng mới 2019	5.679.372.391	5.358.978.657
Vườn cao su trồng mới 2018	6.027.920.958	5.738.822.627
Vườn cao su trồng mới 2017	6.772.769.960	6.496.601.665
Vườn cao su trồng mới 2016	7.801.570.788	7.464.478.790
Vườn cao su trồng mới 2015	-	6.169.414.094
Trụ sở văn phòng Công ty	153.245.455	153.245.455
Chi phí lập dự án tái canh cao su	118.480.348	135.024.135
Tại Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	41.899.614.239	34.676.483.549
Vườn cao su	10.390.399.391	10.006.593.592
Vườn sầu riêng	29.005.450.186	24.301.546.129
Đầu tư khác	2.503.764.662	368.343.828
Tại Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk – Mondulkiri	2.459.376.871	29.358.797.778
Chi phí cao su KTCB năm 2010	-	4.409.281.154
Chi phí cao su KTCB năm 2011	-	20.198.555.191
Chi phí cao su KTCB năm 2013	-	3.203.477.146
Đường lộ và đường giao thông	2.459.376.871	1.547.484.287
Cộng	<u>685.793.430.858</u>	<u>721.595.125.598</u>

Giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang dùng để cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2023 là: 617.210.836.209 VNĐ (xem thuyết minh số V.18).

13. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí đầu tư phát triển vườn chuối, vườn dứa	5.601.839.184	5.601.839.184	5.131.542.271	5.131.542.271
Cộng	<u>5.601.839.184</u>	<u>5.601.839.184</u>	<u>5.131.542.271</u>	<u>5.131.542.271</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Tại ngày 30/06/2023</u>	<u>Tại ngày 01/01/2023</u>
Phải trả các bên liên quan	-	1.741.752.377
- Công ty CP Kỹ thuật cao su	-	1.741.752.377
Phải trả các người bán khác	31.172.649.752	25.583.944.831
- Nguyễn Văn Hoàn	-	4.226.635.655
- Cơ sở sản xuất Xuân Hồng	470.344.000	2.642.760.000
- Công ty TNHH SX TM DV 999	7.801.345.373	1.118.542.287
- Xăng dầu Petrovietnam Oil Lao Co.Ltd	-	404.546.786
- Công ty Cổ phần IAPACCO	1.209.622.000	-
- Các đối tượng người bán khác	21.691.338.379	17.191.460.103
Cộng	31.172.649.752	27.325.697.208

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Tại ngày 30/06/2023</u>	<u>Tại ngày 01/01/2023</u>
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước là các khách hàng khác	45.459.179.706	11.952.385.448
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Nguyễn Hoàng (NHG)	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV TM DV Chế biến gỗ Đại Xuân Hồng	7.525.659.000	-
Công ty TNHH Đầu tư TMDV Phước An	8.794.622.000	-
Công ty CP Tâm An Đắk Lắk	10.733.250.000	-
Các khách hàng khác	8.405.648.706	1.952.385.448
Cộng	45.459.179.706	11.952.385.448

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2023		Tại ngày 30/06/2023	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ
Thuế giá trị gia tăng	-	3.789.696.455	3.756.440.146	3.920.134.456
Thuế GTGT gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	5.687.166.093	5.687.166.093
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	217.295.242	217.295.242
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	470.622.074	8.776.661.902	8.811.699.698	8.057.069.999
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.004.232.995	3.925.466.108	4.162.383.641
Thuế tài nguyên	-	3.562.731	35.053.994	35.664.019
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	12.962.141	37.064.955.582	23.856.018.305	9.122.415.163
Các loại thuế khác	0	3.935.264	4.597.510.365	4.571.574.602
Phí và lệ phí	-	633.493.990	503.876	503.873
Cộng	483.584.215	51.276.538.920	50.887.153.828	35.774.207.088
			(788.984.303)	199.052.056
				65.315.969.197

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.507.611.050	63.029.481.790
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	410.497.006	(1.546.987.873)
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.814.142.691	189.508.458
+ Chi phí lãi vay theo Nghị định 68/2020	3.378.271.557	-
+ Chi phí không hợp lý hợp lệ	1.435.871.134	189.508.458
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.403.645.685)	1.736.496.331
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	(4.408.003.638)	1.072.500.000
+ Hoàn nhập chi phí dự phòng đã loại trừ năm trước	(26.185.194)	682.899.903
+ Lợi nhuận từ công ty liên kết	30.543.147	(18.903.572)
Thu nhập chịu thuế	<u>11.918.108.056</u>	<u>61.482.493.917</u>
Thu nhập tính thuế	<u>11.918.108.056</u>	<u>61.482.493.917</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	8.811.699.635	15.370.104.020
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu năm trước	-	154.364.554
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>8.811.699.635</u>	<u>15.524.468.574</u>

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
- Chi phí quản lý trồng xen	766.876.000	1.322.424.306
- Trích trước chi phí lãi vay	909.111.409	911.851.005
- Chi phí xử lý chất thải, nước thải sau sản xuất	-	337.500.000
- Trích trước chi phí triển khai dự án ở các nông trường	-	44.030.347
- Chi phí phải trả khác	1.396.302.628	2.073.723.458
Cộng	<u>3.072.290.037</u>	<u>4.689.529.116</u>

18. Doanh thu chưa thực hiện**a. Ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Doanh thu cho thuê đất	12.373.867.407	6.163.889.423
Cộng	<u>12.373.867.407</u>	<u>6.163.889.423</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Doanh thu cho thuê đất	378.212.129	383.537.033
Cộng	378.212.129	383.537.033

19. Phải trả ngắn hạn khác**a. Ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	81.204.482.086	73.952.445.279
Phải trả về cổ phần hóa	49.446.403.457	49.446.403.457
Kinh phí công đoàn	3.194.712.715	3.201.769.152
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	18.620.156.733	11.436.113.583
Trợ cấp thôi việc	2.813.779.432	1.911.894.607
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	516.495.952	536.231.973
Các khoản phải trả khác	6.612.933.797	7.420.032.508
Cộng	81.204.482.086	73.952.445.279

b. Dài hạn

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	85.621.828.422	75.864.328.422
- Quỹ khen thưởng phúc lợi phải trả cho NLD	54.655.211.872	54.655.211.872
- Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm hàng ngày Đà	4.235.450.000	4.235.450.000
- Công ty cổ phần nông sản Sài Gòn - Ban Mê	1.968.800.000	1.968.800.000
- Công ty TNHH Nông nghiệp Lâm Phong	1.747.310.000	1.747.310.000
- Nguyễn Độ	1.173.920.000	1.173.920.000
- Cơ sở kinh doanh nông sản Văn Hùng	1.154.600.000	1.154.600.000
- Công ty CP Tâm An Đắk Lắk	9.757.500.000	-
- Các đối tượng khác	10.929.036.550	10.929.036.550
Cộng	85.621.828.422	75.864.328.422

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	206.595.729.238	206.595.729.238	204.783.830.675	204.783.830.675
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (i)	58.702.978.041	58.702.978.041	76.641.050.058	76.641.050.058
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	79.715.054.051	79.715.054.051	79.915.054.051	79.915.054.051
Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào (iii)	10.054.648.522	10.054.648.522	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - chi nhánh Đắk Lắk (iv)	24.017.766.396	24.017.766.396	15.200.000.000	15.200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (v)	10.000.000.000	10.000.000.000	9.996.134.000	9.996.134.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tân Lập Bắc Đắk Lắk (vi)	8.499.473.333	8.499.473.333	7.998.073.333	7.998.073.333
Ngân hàng liên doanh Việt Lào (vii)	15.605.808.895	15.605.808.895	15.033.519.233	15.033.519.233
Vay dài hạn đến hạn trả	61.040.779.533	61.040.779.533	80.947.299.094	80.947.299.094
Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào	36.314.779.533	36.314.779.533	31.495.299.094	31.495.299.094
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đắk Lắk	24.726.000.000	24.726.000.000	49.452.000.000	49.452.000.000
Cộng	267.636.508.771	267.636.508.771	285.731.129.769	285.731.129.769

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 21.38.0057/2023-HĐCVHM/NHCT502-ĐAKRUCO ký ngày 03/01/2023. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay dưới 12 tháng. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ vườn cây cao su tại Nông trường cao su Cư K'pô, Nông trường cao su Cuơr Đăng. (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12).
- Hợp đồng cho vay hạn mức số 21.38.0012/2020-HĐCVHM/NHCT502-CNCĐRI ngày 15/06/2021; hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND; thời hạn vay 9 tháng; lãi suất vay: 6,5%/năm; mục đích sử dụng bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động trồng, sản xuất, kinh doanh chuối. Tài sản thế chấp: thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 20.38.0012/2020HĐBĐ/NHCT502 ngày 08/06/2020 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 20.38.0056/HĐTC-VBSĐBS01/NHCT502-CNCĐRI ngày 10/11/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo:
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số HĐ 01/2021/717996/HĐTD ký ngày 27/10/2021. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay dưới 12 tháng. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ vườn cây cao su tại Nông trường cao su Cư Mgar, Nông trường cao su 19/8 và Nông trường cao su Phú Xuân.
 - Hợp đồng tín dụng hạn mức số HĐ 01/2023/717996/HĐTD ký ngày 26/04/2023. Hạn mức vay tối đa 60.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ vườn cây cao su tại Nông trường cao su Cư Mgar, Nông trường cao su 19/8 và Nông trường cao su Phú Xuân. (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.13).
- (iii) Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk ký kết hợp đồng vay với hạn mức 40 tỷ LAK tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào theo hợp đồng tín dụng số 111/2021/HĐCVHM/CPS ngày 27 tháng 10 năm 2021 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất ban đầu 9% /năm đối với khoản nợ bằng LAK và 6%/năm đối với khoản nợ bằng USD (lãi suất sẽ điều chỉnh định kỳ theo thông báo của Ngân hàng). Thời hạn vay 7 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là quyền thuê, quyền khai thác trên toàn bộ diện tích và tài sản trên đất tại Nông trường 2 (bao gồm toàn bộ vườn cây cao su, cà phê, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan diện tích 2.104,64 ha), một phần diện tích nông trường 4 (1.878 ha), một phần nông trường 1 (2.192 ha) và một phần nông trường 3 (966 ha).
- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 48019/21MN/HĐTD ký ngày 28/12/2021. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay dưới 12 tháng. Tài sản thế chấp tiền vay là cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (Mã DRI).
- (v) Vay ngắn hạn NH Vietcombank – chi nhánh Bắc Đắk Lắk theo Hợp đồng vay vốn số 23/0505/AIJ.01/HĐHM ký ngày 11/05/2023. Mục đích vay vốn là phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay tính tại thời điểm giải ngân, thời hạn vay 12 tháng tính từ thời điểm giải ngân vốn vay cho từng lần vay. Bên vay Cầm cố là số dư tiền gửi có kỳ hạn số 190122/HĐTG/DRG ngày 19/01/2022 theo HĐ cầm cố số dư tiền gửi tiết kiệm số 22/2401/AIJ.01/TCTG ngày 24/01/22; 3.000.000 cổ phiếu được tự do chuyển nhượng của Công ty cổ phần đầu tư Cao su Đắk Lắk (mã chứng khoán DRI) theo HĐ thế chấp cổ phiếu 22/2401/AIJ.01/TCCP ngày 24/01/2022 của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk hiện đang sở hữu tại Công ty Cổ phần đầu tư Cao su Đắk Lắk, cổ phiếu này đang được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán UPCOM và đang được lưu ký tại Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC).
- (vi) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 5219-LAV-202201267 ngày 21/09/2022. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất chỉ thun tại Chi nhánh Nhà máy chế biến chỉ thun, giai đoạn 2022-2023. Hạn mức cấp tín dụng là 5.000.000.000 đồng, thời gian duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất và thời hạn cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng cách thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV667770 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/12/2020 mang tên Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk theo hợp đồng thế chấp số 1409/2022/HĐTC ngày 14/09/2022.
- (vii) Khoản vay với hạn mức 50 tỷ LAK tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào theo hợp đồng tín dụng số 54/2019/HĐTD-HM/CPS ngày 07 tháng 10 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất ban đầu 6% /năm (lãi suất sẽ điều chỉnh định kỳ theo thông báo của Ngân hàng). Thời hạn vay 8 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là quyền thuê, quyền khai thác trên toàn bộ diện tích và tài sản trên đất tại Nông trường 2 (bao gồm toàn bộ vườn cây cao su, cà phê, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan diện tích 2.123,64 ha), một phần diện tích nông trường 4 (1.878 ha) một phần nông trường 1 (2.192 ha) và một phần nông trường 3 (966 ha). (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	162.023.334.928	162.023.334.928	230.841.283.928	230.841.283.928
Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào (i)	43.337.569.039	43.337.569.039	85.486.953.425	85.486.953.425
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	24.726.000.000	24.726.000.000	49.452.000.000	49.452.000.000
Vay dài hạn của Cán bộ công nhân viên (iii)	84.713.610.559	84.713.610.559	86.656.175.173	86.656.175.173
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (iv)	9.246.155.330	9.246.155.330	9.246.155.330	9.246.155.330
Cộng	162.023.334.928	162.023.334.928	230.841.283.928	230.841.283.928
Trong đó				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	24.726.000.000			49.452.000.000
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	137.297.334.928			181.389.283.928

(i) Vay dài hạn theo hợp đồng vay dài hạn số 06/HĐTD/2014/KHND ngày 29/03/2014 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào với tổng giá trị 160.000.000.000 LAK, lãi suất 6,5%/năm (vay USD) và 11%/năm (vay LAK) để “trả nợ Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk đã đầu tư vào dự án phát triển cao su, cà phê, điều của Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại các tỉnh Nam Lào”, thời hạn vay 11 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là quyền thuê, quyền khai thác trên toàn bộ diện tích và tài sản trên đất tại Nông trường 2 (bao gồm toàn bộ vườn cây cao su, cà phê, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan diện tích 2.123,64 ha), một phần diện tích nông trường 4 (1.878 ha), một phần diện tích nông trường 1 (2.192 ha) và một phần nông trường 3 (966 ha). (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12)

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đắk Lắk theo các Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn cụ thể là:

- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số DAL.BĐDN.01.230114 ngày 10/02/2014 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số DAL.BĐDN.01.230114/SĐBS-01 ngày 16/10/2014. Thời hạn vay từ ngày 10/02/2014 đến ngày 10/11/2023. Lãi suất vay theo quy định tại thời điểm giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ tài sản gắn liền với đất của khu Khách sạn 4 sao (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số DAL.BĐDN.02.230114 ngày 28/03/2014 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số DAL.BĐDN.02.230114/SĐBS-01 ngày 16/10/2014. Thời hạn vay từ ngày 28/03/2014 đến ngày 20/12/2023. Lãi suất vay theo quy định tại thời điểm giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ tài sản gắn liền với đất khu văn phòng công ty 3,6 ha (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12).
 - Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số DL.DN.03190908 ngày 06/10/2008 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số DL.DN.03190908/SĐBS-01 ngày 16/10/2014. Thời hạn vay từ ngày Từ ngày 06/10/2008 đến ngày 06/10/2023. Lãi suất vay theo quy định tại thời điểm giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Nông trường Cao su Cư Bao (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12).
 - Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số DAL.DN.05080610 ngày 15/07/2010 và phụ lục hợp đồng số DAL.DN.05080610/PL-01 ngày 10/06/2013. Thời hạn vay từ ngày 15/07/2010 đến ngày 15/07/2023. Lãi suất vay theo quy định tại thời điểm giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ TS gắn liền với đất tại Nông trường Cao su 19/8 (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12).
- (iii) Vay dài hạn cán bộ công nhân viên theo quyết định số 126/QĐ-CT ngày 29/03/2013 không quy định thời hạn vay cụ thể. Mục đích vay là để cho Công ty CP Chi thun Cao su Đắk Lắk (nay là Công ty CP Cao su Đắk Lắk) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay tính theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.
- (iv) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đắk Lắk theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 22.67.0045/2022-HĐCVDADT/NHCT502-DAKNORUCO ngày 02/06/2022. Hạn mức cho vay 30.808.000.000 đồng, mục đích vay vốn dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án tái canh vườn cao su 389,45ha tại huyện Đắk Míl và Đắk Song tỉnh Đắk Nông, thời gian cho vay 144 tháng tính từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	43.784.825.908	45.970.534.733
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	1.378.608.440	1.198.740.609
Cộng	45.163.434.348	47.169.275.342

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chi Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của CĐ không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	1.558.000.000.000	(173.734.406.140)		26.955.587.263	170.821.029.118	288.213.537.109	1.870.255.747.350
Tăng trong kỳ	-	-		26.091.036.119	49.908.547.886	26.220.379.236	102.219.963.241
Chia cổ tức	-	-		-	-	(9.780.000.000)	(9.780.000.000)
Giảm trong kỳ	-	-		-	-	(29.683.045)	(29.683.045)
Trích lập quỹ trong kỳ	-	-		-	(47.435.539.185)	(3.246.667.743)	(50.682.206.928)
CLTG do chuyển đổi báo cáo	-	(115.625.908.945)		-	-	(60.957.787.067)	(176.583.696.011)
Số dư tại 31/12/2022	1.558.000.000.000	(289.360.315.084)		53.046.623.382	173.294.037.820	240.419.778.491	1.735.400.124.607
Số dư tại 01/01/2023	1.558.000.000.000	(289.360.315.084)		53.046.623.382	173.294.037.820	240.419.778.491	1.735.400.124.607
Tăng trong kỳ	-	-		3.992.799.924	(7.574.522.041)	10.270.433.456	6.688.711.339
Thuế chuyên lợi tức	-	-		-	(2.965.344.512)	(1.487.234.325)	(4.452.578.837)
Trích lập quỹ trong kỳ	-	-		-	(7.511.321.986)	(1.360.935.579)	(8.872.257.565)
CLTG do chuyển đổi báo cáo	-	(24.375.731.280)		-	-	(11.376.529.941)	(35.752.261.221)
Số dư tại 30/06/2023	1.558.000.000.000	(313.736.046.365)		57.039.423.306	155.242.849.281	236.465.512.102	1.693.011.738.324

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk	98,94%	1.541.416.000.000	98,94%	1.541.416.000.000
Các cổ đông khác	1,06%	16.584.000.000	1,06%	16.584.000.000
Cộng	100%	1.558.000.000.000	100%	1.558.000.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.800.000	155.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu thường	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu thường	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận

Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 06 năm 2023 với số tiền: 1.293.869.615 đồng. Cụ thể:

• Trích quỹ đầu tư phát triển:	535.213.634 đồng
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	578.788.150 đồng
• Trích quỹ thưởng cho người quản lý Công ty:	179.867.831 đồng

f. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Số đầu năm	240.419.778.491	288.213.537.109
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	10.270.433.456	12.323.310.921
Lỗi CLTG chuyển đổi BCTC của công ty con	(11.376.529.941)	(46.683.982.744)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi khác	(2.848.169.904)	(3.258.779.602)
Số cuối kỳ	236.465.512.102	250.594.085.684

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (đơn vị tính: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Doanh thu bán mũ cao su	299.090.599.397	411.647.795.651
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	10.008.176.712	7.467.681.060
Doanh thu sản phẩm chi thun, vật tư khác	48.219.436.867	132.065.200.609
Doanh thu bán chuối, mít, dứa, điều	24.462.480.100	28.869.794.653
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	16.350.006.685	10.721.533.079
Doanh thu hoạt động khác	492.185.366	835.342.698
Cộng	398.622.885.128	591.607.347.750

2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Giá vốn bán mũ cao su	254.736.070.510	316.938.096.537
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	12.071.286.643	9.438.009.080
Giá vốn thành phẩm sợi chi thun	48.974.076.090	122.077.432.222
Giá vốn bán chuối, mít, chanh dây, điều	16.019.734.482	18.029.124.419
Giá vốn hoạt động khác	530.456.376	331.177.295
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn	(1.614.706.155)	(1.459.914.594)
Cộng	330.716.917.945	465.353.924.959

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.735.684.842	1.733.125.383
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.003.868.566	22.873.518.171
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.370.750.000	1.272.500.000
Lãi đầu tư cao su liên kết	173.814.017	1.488.214.108
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	292.554.658
Cộng	7.284.117.425	27.659.912.320

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Chi phí lãi vay	15.417.574.810	15.663.298.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.924.639.137	38.371.812.180
Thuế lợi tức chuyển lợi nhuận về Việt Nam	1.864.800.000	-
Chi phí tài chính khác	420.571.256	242.175.094
Cộng	25.627.585.203	54.277.285.501

5. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	1.895.345.407	1.891.096.154
Chi phí nhân viên bán hàng	931.620.801	1.063.056.704
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	175.509.683	187.020.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.180.713.851	18.663.865.974
Chi phí khác bằng tiền	3.371.583.710	2.682.923.452
Cộng	21.554.773.452	24.487.963.223

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Chi phí nhân viên quản lý	10.381.048.746	8.106.765.715
Chi phí đồ dùng văn phòng	523.357.667	526.824.607
Chi phí khấu hao tài sản cố định	925.423.165	661.121.595
Dự phòng phải thu khó đòi	(28.979.194)	(217.106.183)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.152.755.396	3.049.522.435
Chi phí bằng tiền khác	6.946.253.345	4.404.036.092
Cộng	20.899.859.125	16.531.164.260

7. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Thu nhập từ bồi thường, đền bù tài sản, đất	5.795.000	155.602.000
Thu từ thanh lý tài sản cố định	4.358.462.533	4.173.355.731
Thu tiền cho thuê mặt bằng	581.141.679	1.026.119.984
Thu tiền điện cho thuê mặt bằng	136.931.818	-
Thu nhập khác	520.764.640	457.316.857
Cộng	5.603.095.670	5.812.394.572

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	633.768.217
Các khoản phạt và truy thu thuế	13.488.275	596.814.893
Chi phí điện cho thuê nhà, mặt bằng	136.931.817	32.966.296
Chi phí khác	900.246.703	96.447.119
Cộng	1.050.666.795	1.359.996.525

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.574.522.041)	35.181.702.295
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(758.655.981)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(758.655.981)
- Lợi nhuận (+) / lỗ (-) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.574.522.041)	34.423.046.314
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	155.800.000	155.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) (*)	(49)	221

(*) Điều chỉnh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2023. Theo đó, điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông 758.655.981 đồng (tương ứng với tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 2,16% trên lợi nhuận sau thuế). Do đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” của kỳ tài chính 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022 là 221 đồng/cổ phiếu thay vì 226 đồng/cổ phiếu như đã trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu 06 tháng đầu năm 2023 được tính theo lợi nhuận sau thuế chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (do Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên chưa quy định cụ thể tỷ lệ trích các quỹ này). Căn cứ vào kết quả kinh doanh cuối năm, Hội đồng Quản trị sẽ dự kiến trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(7.574.522.041)	34.423.046.314
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	155.800.000	155.800.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) (*)	(49)	221

(*) Lãi suy giảm trên cổ phiếu 06 tháng đầu năm 2023 được tính theo lợi nhuận sau thuế chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (do Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên chưa quy định cụ thể tỷ lệ trích các quỹ này). Căn cứ vào kết quả kinh doanh cuối năm, Hội đồng Quản trị sẽ dự kiến trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền thu từ đi vay**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	236.975.617.797	210.265.017.648
Cộng	236.975.617.797	210.265.017.648

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Tiền chi các khoản đi vay theo khế ước thông	295.454.836.443	274.791.489.790
Cộng	295.454.836.443	274.791.489.790

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Đơn vị tính: VNĐ)****1. Các bên liên quan****a. Các bên liên quan**

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Công ty liên kết
Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Công ty liên kết
Quỹ Tín dụng Cao su Đắk Lắk	Công ty liên kết
Công ty CP Cao su Thái Dương	Đầu tư dài hạn khác

b. Giao dịch với các bên liên quan

Doanh thu với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Doanh thu bán mũ cao su		697.737.600	1.533.369.600
Công ty CP cao su Thái Dương	Đầu tư dài hạn khác	697.737.600	1.533.369.600
Doanh thu khác		2.700.000	18.327.000
Công ty CP Kỹ thuật cao su	Công ty liên kết	2.700.000	18.327.000
Cộng		700.437.600	1.551.696.600

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ (trừ bán hàng)

Tên Công ty	Giao dịch	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Mua hàng			
Công ty CP Kỹ thuật cao su	Mua HHDV	1.276.388.427	2.417.093.041
Giao dịch khác			
Công ty CP kỹ thuật cao su	Cổ tức được chia	162.000.000	-
Công ty CP cao su Thái Dương	Cổ tức được chia	750.000.000	750.000.000
Quỹ tín dụng cao su Đắk Lắk	Cổ tức được chia	360.750.000	322.500.000

c. Số dư với các bên liên quan

Tên Công ty	30/06/2023	01/01/2023
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
Công ty CP Kỹ thuật cao su	2.970.000	18.130.200
Phải trả người bán		
Công ty CP kỹ thuật cao su	1.206.475.910	1.749.322.217

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**d. Thu nhập của Ban điều hành**

STT	Họ và tên	Vị trí công tác	Thu nhập 6 tháng đầu năm 2023	Thu nhập 6 tháng đầu năm 2022
	Tiền lương của Người quản lý Công ty chuyên trách		819.735.000	978.682.000
1	Nguyễn Việt Tượng	Chủ tịch Công ty	152.364.000	155.364.000
2	Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	147.478.000	155.364.000
3	Nguyễn Độ	Phó Tổng giám đốc	114.048.000	155.364.000
4	Nguyễn Minh	Phó Tổng giám đốc	114.348.000	155.364.000
5	Nguyễn Trần Giang	Kế toán trưởng	114.048.000	114.348.000
6	Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban kiểm soát	112.649.000	113.278.000
7	Phan Thanh Tân	Thành viên ban kiểm soát	64.800.000	64.800.000
8	Nguyễn Văn Thảo	Thành viên ban kiểm soát	-	64.800.000
	Thù lao của Người quản lý không chuyên trách		68.880.000	73.998.000
1	Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT – Kiểm nhiệm	26.340.000	24.666.000
2	Nguyễn Văn Nam	Thành viên HĐQT – Độc lập	26.340.000	24.666.000

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022. Các báo cáo tài chính trên đã được kiểm toán và soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Tập đoàn.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 08 năm 2023.

Người lập biểu



LÊ THANH BÌNH

Kế toán trưởng



NGUYỄN TRẦN GIANG

Tổng Giám đốc



BÙI QUANG NINH

